

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án: 340 /2025/HSPT

Ngày: 18/7/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Trừu A Sám – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 190/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị L và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1959, tại Campuchia; ĐKTT: ấp A, xã X, huyện X nay là xã X, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: ấp A, xã X, huyện X nay là xã X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và mẹ là bà Trần Thị Q (đã chết); Chồng: Nguyễn Thành L1 (đã chết), con: có 01 con sinh năm 1980. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024. Ngày 26/9/2024, Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai ra Quyết định hủy bỏ, quyết định tạm giữ, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

2. Nguyễn Thị P, sinh năm 1965, tại Campuchia; ĐKTT: ấp A, xã X, huyện X nay là xã X, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: ấp A, xã X, huyện X nay là xã X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và mẹ là bà Huỳnh Thị H1 (đã chết); Chồng: Đoàn

Quang N, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2003. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024. Ngày 26/9/2024, Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai ra Quyết định hủy bỏ, quyết định tạm giữ, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

Ngoài ra, trong vụ án còn có Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị D nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 09 năm 2024, Nguyễn Thị L có thỏa thuận mua 02 (hai) cá thể Tê tê từ một người đàn ông tên S có tên thường gọi là “Sáu nhà lầu” (chưa rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) ở tỉnh Bình Thuận với giá 4.300.000 đồng. Sau đó, ông S giao cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đi xe khách vào ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, giao cho L và nhận tiền thanh toán từ L. L đưa 02 (hai) cá thể Tê tê về nhà tại ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, cất giấu phía sau nhà với mục đích để bán kiếm lời.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/9/2024, có một người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có số điện thoại 0784.999.955 gọi đến cho Nguyễn Thị P đặt mua 02 (hai) cá thể Tê tê. Tuy nhiên, P không có Tê tê nên P gọi điện thoại cho L để hỏi mua Tê tê thì được L bán với giá 1.300.000 đồng/kg. P gọi điện thoại lại cho người đàn ông trên để bán với giá 1.850.000 đồng/kg thì người đó đồng ý mua và hẹn P đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày sẽ đến quán P1 của P tại địa chỉ ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để mua Tê tê. P tiếp tục gọi điện báo cho L biết giờ người đàn ông trên đến mua Tê tê. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 86AK-024.21 chở theo 02 (hai) cá thể Tê tê đến quán ăn P1 cùng P ngồi chờ người đàn ông trên tới mua. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, người đàn ông trên điều khiển xe ô tô không rõ biển số đậu đối diện quán P1 và đi bộ vào gặp P để xem Tê tê và thanh toán tiền. Khi người đàn ông trên xem Tê tê và thỏa thuận với P mua 02 (hai) cá thể Tê tê với giá 10.000.000 đồng rồi quay ra xe lấy tiền thanh toán cho P thì Phòng C Công an tỉnh Đ tiến hành kiểm tra phát hiện, bắt quả tang P và L đang tàng trữ 02 (hai) cá thể Tê tê chuẩn bị bán cho khách, thấy vậy người đàn ông trên lên xe bỏ chạy về hướng tỉnh Bình Thuận.

Cơ quan Công an tiếp tục mở rộng điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của L tại ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, phát hiện và thu giữ 01kg (một) vảy Tê tê được L cất giấu trong ngăn mát tủ lạnh đặt tại bếp nhà L, nguồn gốc 01 kg vảy Tê tê được L mua lại của một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) cách đây một năm, người phụ nữ đưa đến nhà của L bán với giá 1.800.000 đồng. Sau đó, L cất giấu để bán kiếm lời. Tuy nhiên, chưa bán được số lượng vảy Tê tê ra thị trường thì bị Cơ quan Công an khám xét thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 14-2024/KL/GĐTT ngày 24/9/2024 của Giám định viên tư pháp - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đ, kết luận:

02 (hai) cá thể Tê tê có tên Việt Nam là Tê tê java; tên khoa học: *Manis javanica*; thuộc Nhóm IB tại Phụ lục I Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (Kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ; thuộc Phụ lục I Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ); thuộc Phụ lục I công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) (Kèm theo Thông báo số 25/TB-CTVN ngày 17/02/2023 của Cơ quan thẩm quyền quản lý C1);

01 (một) kg vảy màu nâu là bộ phận của động vật thuộc họ Tê tê (Tên khoa học: *Manidae*), thuộc Bộ T (Tên khoa học: *Pholidota*). Do Tập thể giám định không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định các loại vảy Tê tê nên không thể kết luận 01 (một) kg vảy nói trên là bộ phận cơ thể thuộc loài nào; do đó, không có cơ sở để đối chiếu với văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực lâm nghiệp xác định cấp độ nguy cấp, quý, hiếm.

Vật chứng vụ án thu giữ và xử lý vật chứng: 02 (hai) cá thể Tê tê, màu nâu, thân có vảy cứng, mỗi cá thể có 04 (bốn) chân, mỗi chân có 05 (năm) móng cứng, hiện đang còn sống, gồm: 01 (một) cá thể Tê tê có trọng lượng khoảng 03 kg, chiều dài từ mũi xuống cuối đuôi khoảng 65 cm, cao khoảng 08 cm, bị thương chân trước bên phải và 01 (một) cá thể Tê tê có trọng lượng khoảng 2,5 kg, chiều dài từ mũi xuống cuối đuôi khoảng 68 cm, cao khoảng 08 cm, bị thương chân trước bên trái. Hiện đang gửi chăm sóc, cứu hộ tại Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và Phát triển động vật Vườn quốc gia C2 để tái thả về tự nhiên khi đủ điều kiện; 01kg (một) vảy của Tê tê; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo 1906, số Emei: 868613040968290, số Emei 2: 868613040968282 thu giữ của Nguyễn Thị L; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 10, số Emei 1: 868824054408608, số Emei 2: 868824054408616 thu giữ của Nguyễn Thị P; 01 (một) xe mô tô biển số 86AK 024.21.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 244; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị P phạm tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L **02 (Hai)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi Thi hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P **02 (Hai)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi Thi hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Bị cáo L và bị cáo P nộp các sổ khám bệnh, phiếu khám bệnh, hình ảnh siêu âm, chụp X Q1.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quản lý nhà nước về môi trường nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện cũng như các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu gì đặc biệt mới, vì vậy, không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị P, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn phù hợp quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L vắng mặt và xin hoãn phiên tòa với lý do bị cáo hiện đang điều trị bệnh. Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp được chứng cứ thể hiện bị cáo đang điều trị bệnh nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp như bản án sơ thẩm đã nêu.

Như vậy, hành vi của bị cáo L và bị cáo P đã phạm tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” theo điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật hình sự năm 2015. Cả hai bị cáo là người có nhận thức đầy đủ, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hai bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước cấm, xâm phạm trực tiếp đến quản lý nhà nước về môi trường nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, làm thay đổi sự bền vững của môi trường sinh thái, vi phạm Công ước Quốc tế về bảo vệ những loài động vật nguy cấp, quý, hiếm có nguy cơ bị diệt chủng. Để đảm bảo trật tự xã hội, có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm thì

việc truy tố, đưa ra xét xử và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết, cũng là bài học để răn đe và phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm đã xác định tội danh và khung hình phạt cho các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét cho hai bị cáo tình tiết thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu; chưa có tiền án tiền sự, tại phiên tòa các bị cáo khai có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị bệnh (quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự) là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo về hình phạt đối với bị cáo L và bị cáo P: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, y án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

[7] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo L và bị cáo P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L và bị cáo Nguyễn Thị P. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 54/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 244; các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị P phạm tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L **02 (Hai)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi Thi hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P **02 (Hai)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi Thi hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024.

Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L và bị cáo Nguyễn Thị P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo L và bị cáo P mỗi bị cáo phải chịu án phí 200.000 đồng.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm 54/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân huyện X, tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai; VKS sơ thẩm;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an xã;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Dương